

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 29 tháng 10 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội)*

**HÀ NỘI - 2021**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 29 tháng 10 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội)*

**HÀ NỘI - 2021**



## **CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

### **NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 217/QĐ-ĐHTN ngày 29/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)*

Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Master of Finance and Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Loại bằng: Thạc sĩ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Định hướng: Ứng dụng

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 8340201

Thời gian đào tạo: 18 - 24 tháng

Số tín chỉ: 60

Khoa quản lý: Tài chính – Ngân hàng

#### **I. Mục tiêu chương trình đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, giúp học viên nâng cao trình độ lý thuyết; có kiến thức chuyên ngành sâu rộng có khả năng vận dụng linh hoạt lý thuyết vào công tác chuyên môn; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; có năng lực tự chủ, sáng tạo, thích ứng tốt với môi trường làm việc, có tư duy phản biện; có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể (Program Specific Objectives- PSO)**

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

**PSO1:** Chương trình cung cấp cho người học kiến thức nâng cao, chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng.



**PSO2:** Áp dụng thành thạo các quy định của pháp luật để xử lý các vấn đề liên quan đến tài chính – ngân hàng phát sinh trong hoạt động chuyên môn.

**PSO3:** Có kỹ năng phát hiện nhanh và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

**PSO4:** Tự định hướng khả năng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc; định hướng hoạt động chuyên môn phù hợp với pháp luật và thực tế; đề xuất ý kiến mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp, vấn đề mới phát sinh của chuyên môn, nghiệp vụ.

**PSO5:** Thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

## **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Về kiến thức**

**PLO1.1:** Áp dụng thành thạo những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

**PLO1.2:** Diễn giải phù hợp việc vận dụng kiến thức cơ sở ngành về Kinh tế học quản lý; Kinh tế học tài chính-ngân hàng; Nguyên lý kế toán; Pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính-ngân hàng trong phạm vi chuyên môn.

**PLO1.3:** Tổng hợp lý luận chuyên sâu về tài chính-ngân hàng được áp dụng trong hoạt động của các doanh nghiệp và ngân hàng.

**PLO1.4:** Đề xuất các giải pháp khoa học, sát thực tế, có khả năng thực hiện được để giải quyết các vấn đề thực tiễn về tài chính-ngân hàng trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

### **2.2. Về kỹ năng**

**PLO2.1:** Giải quyết được các vấn đề tài chính – ngân hàng phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, các tổ chức kinh tế xã hội khác.

**PLO2.2:** Vận dụng linh hoạt lý luận chung về quản lý kinh tế, tài chính để quản trị các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng phát sinh trong doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế xã hội khác.



**PLO2.3:** Sử dụng ngoại ngữ, tin học thành thạo phục vụ cho công tác chuyên môn; Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương trở lên).

**PLO2.4:** Thể hiện thuần thục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, logic tới người nghe.

**PLO2.5.:** Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo; Kỹ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến TC-NH tại doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức khác.

### **2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO3.1:** Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

**PLO3.2:** Xây dựng năng lực tự học tập, sáng tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và phối hợp với đồng nghiệp trong chuyên môn nghiệp vụ.

## **III. Khối lượng, nội dung và dự kiến kế hoạch đào tạo**

### **3.1. Khối lượng, cấu trúc và nội dung kiến thức toàn khóa**

#### **3.1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 60 tín chỉ.

#### **3.1.2. Cấu trúc kiến thức toàn khóa**

| STT      | Khối kiến thức                         | Tổng      |
|----------|----------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Kiến thức chung</b>                 | <b>10</b> |
| <b>2</b> | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>           | <b>10</b> |
| 2.1      | Kiến thức bắt buộc                     | 8         |
| 2.2      | Kiến thức tự chọn                      | 2         |
| <b>3</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>          | <b>25</b> |
| 3.1      | Kiến thức bắt buộc                     | 17        |
| 3.2      | Kiến thức tự chọn                      | 8         |
| <b>4</b> | <b>Thực tập và Luận văn tốt nghiệp</b> | <b>15</b> |
| 4.1      | Thực tập                               | 5         |
| 4.2      | Luận văn tốt nghiệp                    | 10        |
|          | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>60</b> |



### 3.1.3 Nội dung chương trình dạy học

| STT        | Mã học phần | Tên học phần                                     | Số tín chỉ | Đơn vị phụ trách |
|------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|------------------|
| <b>I</b>   |             | <b>KIẾN THỨC CHUNG<br/>(4 học phần)</b>          | <b>10</b>  |                  |
| 1          | SCB.03.01   | Triết học nâng cao                               | 4          | Khoa Cơ bản      |
| 2          | STA.04.01   | Tiếng Anh 1 chuyên ngành                         | 2          | Khoa Ngoại ngữ   |
| 3          | STA.04.02   | Tiếng Anh 2 chuyên ngành                         | 2          | Khoa Ngoại ngữ   |
| 4          | SQK.02.01   | Phương pháp nghiên cứu kinh tế                   | 2          | Viện QTKD        |
| <b>II</b>  |             | <b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH<br/>(5 HỌC PHẦN)</b>    | <b>10</b>  |                  |
| <b>2.1</b> |             | <b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b>                         | <b>8</b>   |                  |
| 5          | SCB.02.01   | Kinh tế học quản lý                              | 2          | Khoa Cơ bản      |
| 6          | STN.02.01   | Kinh tế học tiền tệ ngân hàng                    | 2          | Viện TC –NH      |
| 7          | SLKT.03.01  | Pháp luật kinh tế                                | 2          | Viện PLKT        |
| 8          | SKT.01.01   | Nguyên lý kế toán                                | 2          | Viện KT - KT     |
| <b>2.2</b> |             | <b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN<br/>(1 TRONG 3 HỌC PHẦN)</b> | <b>2</b>   |                  |
| 9          | STN.01.03   | Thẩm định giá ngân hàng thương mại               | 2          | Viện TC –NH      |
| 10         | SQK.02.02   | Quản trị chiến lược                              | 2          | Viện QTKD        |
| 11         | SQK.01.04   | Văn hóa và đạo đức công sở                       | 2          | Viện QTKD        |
| <b>III</b> |             | <b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH<br/>(10 HỌC PHẦN)</b>  | <b>25</b>  |                  |
| <b>3.1</b> |             | <b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC<br/>(7 HỌC PHẦN)</b>        | <b>17</b>  |                  |
| 12         | STN.02.03   | Quản trị tài chính nâng cao                      | 3          | Viện TC –NH      |
| 13         | SKT.01.02   | Kế toán tài chính nâng cao                       | 3          | Viện KT - KT     |
| 14         | STN.02.06   | Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa         | 2          | Viện TC –NH      |
| 15         | STN.01.02   | Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao           | 3          | Viện TC –NH      |
| 16         | STN.02.02   | Đầu tư tài chính                                 | 2          | Viện TC –NH      |
| 17         | STN.02.04   | Chính sách thuế                                  | 2          | Viện TC –NH      |
| 18         | STN.02.05   | Quản lý thuế                                     | 2          | Viện TC –NH      |
| <b>3.2</b> |             | <b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN<br/>(3 TRONG 7 HỌC PHẦN)</b> | <b>8</b>   |                  |



| STT       | Mã học phần   | Tên học phần                              | Số tín chỉ | Đơn vị phụ trách |
|-----------|---------------|-------------------------------------------|------------|------------------|
|           |               | <i>Chọn 2 trong 5 học phần:</i>           |            |                  |
| 19        | STN.02.07     | Định giá và mua bán sáp nhập doanh nghiệp | 3          | Viện TC –NH      |
| 20        | SQK.02.03     | Quản trị dự án đầu tư                     | 3          | Viện QTKD        |
| 21        | STN.02.11     | Chiến lược tài chính công ty              | 3          | Viện TC –NH      |
| 22        | STN.02.09     | Phương pháp kiểm soát kho bạc             | 3          | Viện TC –NH      |
| 23        | STN.02.12     | Thương mại và đầu tư quốc tế              | 3          | Viện TC –NH      |
|           |               | <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>           |            |                  |
| 24        | STN.02.08     | Tài chính công nâng cao                   | 2          | Viện TC –NH      |
| 25        | STN.02.10     | Tài chính khởi nghiệp                     | 2          | Viện TC –NH      |
| <b>IV</b> |               | <b>THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>       |            |                  |
| <b>26</b> | <b>STC.01</b> | <b>THỰC TẬP</b>                           | <b>7</b>   | Viện TC –NH      |
| <b>27</b> | <b>STC.02</b> | <b>ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>                   | <b>8</b>   | Viện TC –NH      |
|           |               | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>                    | <b>60</b>  |                  |

### 3.2. Thời gian đào tạo và dự kiến kế hoạch giảng dạy

#### 3.2.1. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo là 18 - 24 tháng chia thành 3 học kỳ

#### 3.2.2. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy 3 học kỳ được mô tả qua bảng sau:

| STT      | Mã học phần | Tên học phần                            | Số tín chỉ | Học kỳ |   |   |
|----------|-------------|-----------------------------------------|------------|--------|---|---|
|          |             |                                         |            | 1      | 2 | 3 |
| <b>I</b> |             | <b>KIẾN THỨC CHUNG<br/>(4 HỌC PHẦN)</b> | <b>10</b>  |        |   |   |
| 1        | SCB.03.01   | Triết học nâng cao                      | 4          | x      |   |   |
| 2        | STA.04.01   | Tiếng Anh 1 chuyên ngành                | 2          | x      |   |   |
| 3        | STA.04.02   | Tiếng Anh 2 chuyên ngành                | 2          | x      |   |   |
| 4        | SQK.02.01   | Phương pháp nghiên cứu kinh tế          | 2          | x      |   |   |



| STT        | Mã học phần | Tên học phần                                     | Số tín chỉ | Học kỳ |   |   |
|------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|--------|---|---|
|            |             |                                                  |            | 1      | 2 | 3 |
| <b>II</b>  |             | <b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH<br/>(5 HỌC PHẦN)</b>    | <b>10</b>  |        |   |   |
| <b>2.1</b> |             | <b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC<br/>(4 HỌC PHẦN)</b>        | <b>8</b>   |        |   |   |
| 5          | SCB.02.01   | Kinh tế học quản lý                              | 2          | x      |   |   |
| 6          | STN.02.01   | Kinh tế học tiền tệ ngân hàng                    | 2          | x      |   |   |
| 7          | SLKT.03.01  | Pháp luật kinh tế                                | 2          | x      |   |   |
| 8          | SKT.01.01   | Nguyên lý kế toán                                | 2          | x      |   |   |
| <b>2.2</b> |             | <b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN<br/>(1 TRONG 3 HỌC PHẦN)</b> | <b>2</b>   |        |   |   |
| 9          | STN.01.03   | Thẩm định giá ngân hàng thương mại               | 2          |        | x |   |
| 10         | SQK.02.02   | Quản trị chiến lược                              | 2          |        | x |   |
| 11         | SQK.01.04   | Văn hóa và đạo đức công sở                       | 2          |        | x |   |
| <b>III</b> |             | <b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH<br/>(10 HỌC PHẦN)</b>  | <b>25</b>  |        |   |   |
| <b>3.1</b> |             | <b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC<br/>(7 HỌC PHẦN)</b>        | <b>17</b>  |        |   |   |
| 12         | STN.02.03   | Quản trị tài chính nâng cao                      | 3          |        | x |   |
| 13         | SKT.01.02   | Kế toán tài chính                                | 3          |        | x |   |
| 14         | STN.02.06   | Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa         | 2          |        | x |   |
| 15         | STN.01.02   | Quản trị ngân hàng thương mại                    | 3          |        | x |   |
| 16         | STN.02.02   | Đầu tư tài chính                                 | 2          |        | x |   |
| 17         | STN.02.04   | Chính sách thuế                                  | 2          |        | x |   |
| 18         | STN.02.05   | Quản lý thuế                                     | 2          |        | x |   |
| <b>3.2</b> |             | <b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN<br/>(3 TRONG 7 HỌC PHẦN)</b> | <b>8</b>   |        |   |   |
|            |             | <i>Chọn 2 trong 5 học phần:</i>                  |            |        |   |   |
| 19         | STN.02.07   | Định giá và mua bán sáp nhập doanh nghiệp        | 3          |        |   | x |



| STT | Mã học phần | Tên học phần                        | Số tín chỉ | Học kỳ    |           |           |
|-----|-------------|-------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|
|     |             |                                     |            | 1         | 2         | 3         |
| 20  | SQK.02.03   | Quản trị dự án đầu tư               | 3          |           |           | x         |
| 21  | STN.02.11   | Chiến lược tài chính công ty        | 3          |           |           | x         |
| 22  | STN.02.09   | Phương pháp kiểm soát kho bạc       | 3          |           |           | x         |
| 23  | STN.02.12   | Thương mại và đầu tư quốc tế        | 3          |           |           | x         |
|     |             | <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>     |            |           |           |           |
| 24  | STN.02.08   | Tài chính công nâng cao             | 2          |           |           | x         |
| 25  | STN.02.10   | Tài chính khởi nghiệp               | 2          |           |           | x         |
| IV  |             | <b>THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b> |            |           |           |           |
| 26  | STC.01      | THỰC TẬP                            | 7          |           |           | x         |
| 27  | STC.02      | ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP                    | 8          |           |           | x         |
|     |             | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>              | <b>60</b>  | <b>18</b> | <b>19</b> | <b>23</b> |

#### 4. Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra

##### 4.1. Tổ hợp các phương pháp dạy học phù hợp chuẩn đầu ra

##### 4.1.1. Các phương pháp dạy học được sử dụng

| STT | Phương pháp dạy học                                                   | Mục đích                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống<br>( <i>Case study</i> ) | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; phát triển tư duy phản biện; giúp người học trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, học hỏi lẫn nhau                                           |
| 2   | Dạy học theo dự án<br>( <i>Project-based learning</i> )               | Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phức hợp và năng lực đánh giá; phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ và khả năng sáng tạo; tạo môi trường hứng thú cho người học     |
| 3   | Phương pháp phát vấn<br>( <i>socratic method</i> )                    | Kích thích tính tư duy độc lập của người học; tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học; rèn năng lực biểu đạt của người học |
| 4   | Phương pháp thuyết trình tích cực<br>( <i>active lecturing</i> )      | Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà                                                                                |



| STT | Phương pháp dạy học                                       | Mục đích                                                                                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                           | người học không thể lĩnh hội; người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.                               |
| 5   | Phương pháp giải quyết vấn đề ( <i>Problem solving</i> )  | Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học, phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau |
| 6   | Thuyết giảng ( <i>Lecturing method</i> )                  | Cung cấp kiến thức cho người học                                                                                              |
| 7   | Tổ chức học tập theo nhóm ( <i>Group-based learning</i> ) | Tăng cường kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm                                                                         |
| 8   | Thảo luận ( <i>seminar</i> )                              | Kỹ năng phân tích, tìm kiếm tài liệu, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; tự học, cập nhật kiến thức                 |
| 9   | Lớp học đảo ngược ( <i>Flipped classroom</i> )            | Phát triển kỹ năng tự học, kỹ năng thực hành                                                                                  |

#### 4.1.2. Ma trận phương pháp dạy học phù hợp chuẩn đầu ra

Các phương pháp giảng dạy nói trên giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra, được thể hiện trong ma trận sau:

Sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy với CDR của CTĐT được xác lập thông qua ma trận dưới đây:

| STT | Phương pháp giảng dạy                        | CDR của CTĐT |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
|-----|----------------------------------------------|--------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
|     |                                              | Kiến thức    |         |         |         | Kỹ năng |         |         |         |         | TC, TN  |         |
|     |                                              | PLO 1.1      | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 1.4 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 |
| 1   | Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống |              |         |         |         | x       | x       |         | x       | x       |         | x       |
| 2   | Dạy học theo dự án                           |              |         | x       | x       | x       | x       |         |         |         |         | x       |
| 3   | Phương pháp phát vấn                         | x            | x       | x       | x       | x       | x       | x       | x       |         |         |         |
| 4   | Phương pháp                                  |              |         |         | x       | x       | x       | x       | x       |         |         |         |



| STT | Phương pháp giảng dạy         | CĐR của CTĐT |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
|-----|-------------------------------|--------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
|     |                               | Kiến thức    |         |         |         | Kỹ năng |         |         |         |         | TC, TN  |         |
|     |                               | PLO 1.1      | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 1.4 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 |
|     | thuyết trình tích cực         |              |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| 5   | Phương pháp giải quyết vấn đề | x            | x       | x       | x       | x       | x       | x       | x       | x       |         |         |
| 6   | Thuyết giảng                  | x            | x       | x       | x       | x       | x       |         |         |         |         |         |
| 7   | Tổ chức học tập theo nhóm     |              |         |         |         | x       | x       | x       | x       | x       | x       | x       |
| 8   | Seminar                       |              |         |         |         | x       | x       | x       | x       | x       | x       | x       |
| 9   | Lớp học đảo ngược             |              |         | x       | x       | x       | x       |         |         | x       | x       |         |

## 4.2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

### 4.2.1. Thang điểm

- Thang điểm 10: Được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thi nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

- Thang điểm 4: Là thang điểm chính thức, trong đó thang điểm chữ (A, B, C, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4 - 0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

- Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần

### 4.2.2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp chuẩn đầu ra

| Đánh giá quá trình                                                        | Hoạt động đánh giá          | Phương pháp đánh giá |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| Nhằm đo lường việc đạt được sự tiến triển của người học trên lộ trình đạt | 1. Tham dự lớp (chuyên cần) | Quan sát             |
|                                                                           | 2. Thảo luận                | Quan sát             |



| Đánh giá quá trình                       | Hoạt động đánh giá | Phương pháp đánh giá                                     |
|------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------|
| đến CDR môn học                          | 3.Làm việc nhóm    | Quan sát                                                 |
|                                          | 4.Thuyết trình     | Quan sát và Hỏi đáp                                      |
|                                          | 5.Bài tập          |                                                          |
|                                          | 6. Thực hành       | Quan sát, đọc/ nghe báo cáo                              |
|                                          | 7.Kiểm tra giữa kỳ | Trắc nghiệm tự luận<br>Trắc nghiệm khách quan<br>Vấn đáp |
| Đánh giá cuối kỳ                         | Hoạt động đánh giá | Phương pháp đánh giá                                     |
| Nhằm đo lường việc đạt được CDR môn học  | 1.Thi cuối môn học | Trắc nghiệm tự luận<br>Trắc nghiệm khách quan<br>Vấn đáp |
|                                          | 2.Tiểu luận        | Đọc bài viết                                             |
|                                          | 3.Đồ án môn học    | Đọc và nghe báo cáo                                      |
| Nhằm đo lường việc đạt được CDR của CTĐT | Đề án tốt nghiệp   | Đọc và nghe báo cáo                                      |

*Sự phù hợp giữa các hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với CDR của CTĐT*

| ST<br>T | Phương<br>pháp<br>đánh giá         | CDR của CTĐT   |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|---------|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------|----------------|
|         |                                    | Kiến thức      |                |                |                | Kỹ năng        |                |                |                |                | Năng lực<br>và trách<br>nhiệm |                |
|         |                                    | PL<br>O<br>1.1 | PL<br>O<br>1.2 | PL<br>O<br>1.3 | PL<br>O<br>1.4 | PL<br>O<br>2.1 | PL<br>O<br>2.2 | PL<br>O<br>2.3 | PL<br>O<br>2.4 | PL<br>O<br>2.5 | PL<br>O<br>3.1                | PL<br>O<br>3.2 |
| 1       | Đánh giá<br>quá trình              |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|         | Tham dự<br>lớp (<br>chuyên<br>cần) |                |                |                |                |                |                |                |                |                | X                             | X              |
|         | Thảo luận                          |                |                |                |                | X              | X              | X              | X              | X              | X                             | X              |
|         | Làm việc<br>nhóm                   |                |                |                |                | X              | X              | X              | X              | X              | X                             | X              |
|         | Thuyết                             |                |                |                |                | X              | X              | X              | X              | X              |                               |                |



| ST<br>T | Phương<br>pháp<br>đánh giá  | CĐR của CTĐT   |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|---------|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------------|----------------|
|         |                             | Kiến thức      |                |                |                | Kỹ năng        |                |                |                |                | Năng lực<br>và trách<br>nhiệm |                |
|         |                             | PL<br>O<br>1.1 | PL<br>O<br>1.2 | PL<br>O<br>1.3 | PL<br>O<br>1.4 | PL<br>O<br>2.1 | PL<br>O<br>2.2 | PL<br>O<br>2.3 | PL<br>O<br>2.4 | PL<br>O<br>2.5 | PL<br>O<br>3.1                | PL<br>O<br>3.2 |
|         | trình                       |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|         | Bài tập                     | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x                             | x              |
|         | Thực hành                   |                |                |                |                | x              | x              |                | x              | x              | x                             | x              |
|         | Kiểm tra<br>giữa kỳ         | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              |                |                |                               |                |
| 2       | <b>Đánh giá<br/>cuối kỳ</b> |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|         | Thi cuối<br>môn học         | x              | x              | x              | x              | x              | x              |                |                |                |                               |                |
|         | Tiểu luận                   | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              |                               |                |
|         | Đồ án<br>môn học            |                |                |                |                |                |                |                |                |                |                               |                |
|         | <b>Đề án tốt<br/>nghệ</b>   | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x              | x                             | x              |

#### 4.2.3 Rubric kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

\* Rubric đánh giá điểm chuyên cần

| Tiêu chí                                    | Tỷ<br>lệ<br>(%) | Mức chất lượng                                                                              |                                                       |                                                   |                                                                      |
|---------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                             |                 | Rất tốt                                                                                     | Tốt                                                   | Đạt yêu cầu                                       | Không đạt                                                            |
|                                             |                 | 10-8,5                                                                                      | 8,4-7,0                                               | 6,9-5,5                                           | 5,4-0,0                                                              |
| Mức độ tham dự<br>theo TKB                  | 50              | Tham dự trên<br>lớp đạt trên<br>90% số tiết<br>học                                          | Tham dự trên<br>lớp đạt 85-<br>90% số tiết<br>học     | Tham dự trên<br>lớp đạt 80-<br>85% số tiết<br>học | Tham dự trên<br>lớp dưới<br>80% số tiết<br>học                       |
| Mức độ tham<br>gia các hoạt<br>động học tập | 50              | Nhiệt tình<br>trao đổi, phát<br>biểu, trả lời<br>từ 2 câu hỏi,<br>chứa ít nhất 1<br>bài tập | Có trao đổi,<br>phát biểu, trả<br>lời từ 2 câu<br>hỏi | Có trao đổi,<br>phát biểu, trả<br>lời 1 câu hỏi   | Không trao<br>đổi, phát<br>biểu, trả lời<br>câu hỏi, chữa<br>bài tập |



**\* Rubric đánh giá bài tập nhóm**

| Tiêu chí đánh giá                                        | Trọng số (%) | Mô tả mức chất lượng                                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                |                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                          |              | Giỏi                                                                                                                                    | Khá                                                                                       | Trung bình                                                                     | Kém                                                                                                 |
|                                                          |              | 8,5 - 10                                                                                                                                | 7 - 8,4                                                                                   | 5,5 - 6,9                                                                      | < 5,5                                                                                               |
| <b>1. Hình thức báo cáo</b>                              | 10           | Bố cục hợp lý, đúng quy cách trình chiếu, logic                                                                                         | Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic                               | Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu                          | Trình bày cầu thả, đơn điệu                                                                         |
| <b>2. Nội dung báo cáo</b>                               | 40           | Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức                    | Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, $70\% - < 85\%$ tổng số nội dung yêu cầu | Trình bày $55\% - < 70\%$ tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề                   | Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết |
| <b>3. Kỹ năng trình bày</b>                              | 20           | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe                                                                                        | Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe                                  | Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục                | Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe                                                    |
| <b>4. Trả lời câu hỏi</b>                                | 10           | Trả lời được $\geq 85\%$ các câu hỏi                                                                                                    | Trả lời khá đầy đủ, $70\% \text{ đến } < 85\%$ câu hỏi                                    | Trả lời được trên $55\%$ đến $< 70\%$ câu hỏi                                  | Không trả lời được câu hỏi nào                                                                      |
| <b>5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)</b> | 20           | Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ | Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên                 | Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên | Chỉ một thành viên báo cáo                                                                          |



| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Mô tả mức chất lượng |         |            |       |
|-------------------|--------------|----------------------|---------|------------|-------|
|                   |              | Giỏi                 | Khá     | Trung bình | Kém   |
|                   |              | 8,5 - 10             | 7 - 8,4 | 5,5 - 6,9  | < 5,5 |
|                   |              | ràng.                |         |            |       |

**Rubric đánh giá bài kiểm tra, bài thi kết thúc học phần:**

| Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mức chất lượng | Thang điểm |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.</li> <li>Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.</li> <li>Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</li> <li>Không có lỗi chính tả.</li> </ul>                                                                           | Xuất sắc       | 9-10       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.</li> <li>Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>Mắc ít lỗi (1-2 lỗi) về thuật ngữ chuyên môn.</li> <li>Còn lỗi chính tả.</li> </ul>                                                                                                       | Khá- Giỏi      | 7-8        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Trả lời đúng 50-60% câu hỏi.</li> <li>Trình bày không rõ ý, chưa logic.</li> <li>Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (3-4 lỗi).</li> <li>Còn lỗi chính tả.</li> </ul>                                                                                                           | Trung bình     | 5-6        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi.</li> <li>Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%.</li> <li>Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</li> <li>Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi).</li> <li>Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul> | Yếu            | 3-4        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%.</li> <li>Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung.</li> <li>Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</li> <li>Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>                                                                        | Kém            | 0-2        |



**Rubrics đánh giá Thực tập tốt nghiệp**

| STT | Hình thức                                                                                   | Trọng số (%) | Tiêu chí đánh giá                                                                                        | Thang điểm |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | Chuyên cần                                                                                  | 30           | -Tính chủ động, mức độ tích cực xuống cơ sở thực tập và trao đổi với GVHD trong quá trình TTTN tại cơ sở | 3          |
| 2   | Lập và báo cáo kế hoạch chi tiết và thời gian hoàn thành đề tài lựa chọn, đề cương chi tiết | 20           | Đảm bảo tiến độ theo thời gian quy định<br>Chất lượng Báo cáo TT, ĐCCT đảm bảo theo quy định.            | 2          |
| 3   | Báo cáo thực tập                                                                            | 50           | Đầy đủ các nội dung theo quy định: 15%                                                                   | 1,5        |
|     |                                                                                             |              | Đảm bảo tính chính xác số liệu: 20%                                                                      | 2          |
|     |                                                                                             |              | Phân tích, đánh giá: 15%                                                                                 | 1,5        |
|     | <b>Tổng</b>                                                                                 | 100          |                                                                                                          | 10         |

**Đánh giá đề án tốt nghiệp**

| STT | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thang điểm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <p><b>Nội dung và hình thức đề án:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án có ý nghĩa khoa học và thực tiễn</li> <li>- Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề án và nội dung thực hiện phù hợp</li> <li>- Cấu trúc đề án, hình thức trình bày, diễn đạt, hình vẽ, bảng biểu, ...đảm bảo tính khoa học, súc tích, dễ hiểu, ...</li> <li>- Kết quả nghiên cứu, thảo luận và kết luận thể hiện sự công phu, nghiêm túc của tác giả trong nghiên cứu khoa học, độ tin</li> </ul> | 7          |



| STT | Tiêu chí đánh giá                                                              | Thang điểm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | cây cao, diễn giải không trùng lặp, các đề xuất có cơ sở khoa học và thực tiễn |            |
| 2   | Thuyết trình tóm tắt kết quả đạt được của đề án                                | 1          |
| 3   | Trả lời câu hỏi của Hội đồng                                                   | 2          |
|     | <b>Tổng</b>                                                                    | 10         |

#### IV. Mô tả tóm tắt các học phần

##### 4.1. Triết học nâng cao (SCB.03.01)

- Số lượng tín chỉ: 04

- Mô tả học phần: Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung ở bậc sau đại học nhằm tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan duy vật khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học đã được trang bị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

- Với tư cách là hệ thống tri thức lý luận chung của con người về thế giới và vai trò, vị trí của con người trong thế giới, môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của các học thuyết triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng trong đời sống xã hội.

- Môn học giúp người học nghiên cứu những vấn đề về chung về triết học, bản thể luận, nhận thức luận, triết học chính trị, triết học con người trong lịch sử triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng.

##### 4.2. Tiếng Anh 1 chuyên ngành (STA.04.01)

- Số lượng tín chỉ: 2

- Mô tả học phần: Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for specific purposes<sup>1</sup>) là khối lượng kiến thức của 07 bài trong cuốn giáo trình “Financial English” Ian MacKenzie (1995), Thomson & Heinle.

Nội dung học phần gồm có 7 chủ đề sau:

1. Government spending
2. Inflation
3. Taxation



4. Income
5. Accounting
6. Auditing
7. Financial Statements

#### **4.3. Tiếng Anh chuyên 2 ngành (STA.04.02)**

- Số lượng tín chỉ : 02

- Mô tả học phần: Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for specific purposes 2) là khối lượng kiến thức của 08 bài tiếp theo trong cuốn giáo trình “Financial English” Ian MacKenzie (1995) do tác giả Thomson & Heinle biên soạn. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế 3 phần chính gồm kiến thức - kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, phát âm, trọng tâm ngôn ngữ). Ngoài ra, học phần còn giúp người học phát triển các kỹ năng giao tiếp cần thiết bằng tiếng Anh trong môi trường công việc liên quan đến tài chính và ngân hàng. Học phần bao gồm khối kiến thức thuộc các chủ đề sau:

1. Forms of money
2. Borrowing and Lending
3. Central Banking
4. Commercial Banking
5. Stocks and shares
6. Bonds
7. Imports and exports
8. Insurance

#### **4.4. Phương pháp nghiên cứu kinh tế (SQK.02.01)**

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần Học phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế. Thông qua học phần, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu kinh tế, xác định được mục đích nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, cho đến việc tiến hành thu thập và xử lý số liệu, lập đề cương nghiên cứu, viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh



giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ có các buổi thảo luận và báo cáo trên lớp cũng như các buổi thực hành trên phần mềm thống kê để phát triển các kỹ năng: phát hiện vấn đề nghiên cứu, phân tích và xử lý dữ liệu, báo cáo và làm việc nhóm. Qua đó, học viên sẽ có bước chuẩn bị tốt cho việc thực hiện các nghiên cứu sau này như làm đề tài khoa học, viết luận văn tốt nghiệp.

#### **4.5 Kinh tế học quản lý (SCB.02.01)**

- Số tín chỉ: 02

Kinh tế quản lý là môn khoa học về vận dụng các lý thuyết kinh tế học và các công cụ, kỹ thuật phân tích của khoa học ra quyết định để xem xét cách thức một tổ chức (lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận) đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất như thế nào. Kinh tế quản lý giúp các nhà kinh doanh có thể phân tích và đưa ra các quyết định quản lý chính xác, kịp thời và có hiệu quả trong điều kiện môi trường kinh doanh thường xuyên biến động. Trong môn học này chúng tôi giới thiệu những lý thuyết, mô hình chủ yếu trong Kinh tế học nói chung và Kinh tế quản lý nói riêng. Nội dung của môn học này được xây dựng trực tiếp trên nền tảng của Kinh tế vi mô và các môn khoa học thuộc các lĩnh vực chức năng của QTKD đã được được trang bị ở bậc đại học.

Học phần này được xây dựng trên cơ sở kế thừa những mô hình lý thuyết được phát triển trong Kinh tế học vi mô. Tuy nhiên sẽ tập trung hơn vào những khía cạnh khác trong quá trình ra quyết định của một doanh nghiệp như chi phí vốn, cơ cấu vốn, quyết định đầu tư, các chiến lược cạnh tranh phi giá, các thành phần của Marketing hỗn hợp cũng như những vấn đề liên quan đến việc ra quyết định của các công ty đa quốc gia.

#### **4.6. Kinh tế học tiền tệ ngân hàng (STN.02.01)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng bao gồm 6 chương, nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các quan hệ tiền tệ, các định chế tài chính, sự vận động động, tác động của hệ thống tiền tệ, thị trường tiền tệ đến nền kinh tế.

Nội dung cơ bản của môn học bao gồm: xu hướng vận động của các hình thức tiền tệ; các sản phẩm dịch vụ sinh ra từ quan hệ tiền tệ; cung cầu tiền; tác động của tiền đến



nền kinh tế qua làm phát; các định chế tài chính trên thị trường tài chính; Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. Học phần trang bị cho học viên cao học những kiến thức và kỹ năng để phân tích, đánh giá được hệ thống tiền tệ, thị trường tài chính, ngân hàng qua đó có thể tham gia vào thị trường như một chủ thể kinh doanh hoặc quản lý.

#### **4.7. Pháp luật kinh tế (SLKT.03.01)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Pháp luật kinh tế dành cho chương trình đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng. Học phần trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao và có tính hệ thống về các chủ đề của Luật Doanh nghiệp; nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại năm 2005; pháp luật về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm trong hoạt động kinh tế. Ngoài ra, Học phần còn giới thiệu quy định pháp luật điều chỉnh một số hoạt động kinh tế cụ thể của doanh nghiệp như hoạt động tín dụng, kế toán - kiểm toán, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, thuế và hải quan, thanh tra tài chính và giám sát tài chính.

#### **4.8. Nguyên lý kế toán nâng cao (SKT.01.01)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thực hiện với mục tiêu trang bị cho học viên thuộc ngành TC- NH những kiến thức về kế toán: Các trường phái lý thuyết về kế toán; Các phương pháp kế toán; Những vấn đề kế toán đương đại.

#### **4.9. Thẩm định giá ngân hàng thương mại (STN.01.03)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần bao gồm các kiến thức về thẩm định tín dụng của Ngân hàng thương mại: như mục đích của thẩm định TD, cơ sở thẩm định TD, nội dung của thẩm định tín dụng, phương pháp thẩm định tín dụng và kỹ năng thẩm định tín dụng. Trang bị cho HV những kiến thức về thẩm định cho vay tiêu dùng, cho SXKD của KHCN và KHDN, đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng như kỹ năng đọc hồ sơ, kỹ năng thẩm định tư cách khách hàng, kỹ năng phân tích SXKD và tài chính của khách hàng trong hoạt động cho vay của NHTM.

#### **4.10. Quản trị chiến lược (SQK.02.02)**

- Số tín chỉ: 02



- Mô tả học phần: Học phần Quản trị chiến lược là học phần kiến thức cơ sở ngành của Chương trình Thạc sỹ Tài chính ngân hàng. Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu về: Xác định sứ mệnh và mục tiêu chiến lược, Phân tích chiến lược, Các giải pháp chiến lược, Tái cấu trúc tổ chức và thiết lập hệ thống trợ lực chiến lược, Văn hóa và lãnh đạo chiến lược

Môn học xem xét các vấn đề liên quan đến cách thức xây dựng và thực thi chiến lược, qua đó giúp học viên vận dụng những kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí ... vào cho hoạt động xây dựng và thực thi chiến lược tại doanh nghiệp và ngân hàng.

#### **4.11. Văn hóa và đạo đức công sở (SQK.01.04)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Văn hóa và đạo đức công sở/kinh doanh gồm các nội dung: Những vấn chung về văn hóa, Nhận diện văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, giá trị cốt lõi cùng những tác động tích cực và cấu trúc cũng như những biểu hiện hữu hình, vô hình của văn hóa công sở, Đạo đức công vụ, Văn hóa doanh nghiệp, Đạo đức kinh doanh.

#### **4.12. Quản trị tài chính nâng cao (STN.02.03)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: - Học phần đề cập đến những kiến thức nâng cao về nội dung và những nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp; các hệ số tài chính của doanh nghiệp; tác động của đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính đến tỷ suất sinh lời và rủi ro của doanh nghiệp; các công cụ tài chính, các hình thức và phương thức huy động vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

#### **4.13. Kế toán tài chính (SKT.01.02)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về phương pháp tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính dựa trên những quy định pháp lý kế toán hiện hành, trao đổi về thực trạng hiện nay về các chính sách kế toán và thực tế vận dụng chính sách kế toán trong công tác kế toán; trang bị cho học viên kỹ năng xử lý các nghiệp vụ cơ bản và nâng cao nhằm lập, trình bày và phân tích BCTC doanh nghiệp. Học viên sẽ được ứng dụng các kiến thức nền tảng về kế toán, chuẩn mực kế toán, chế



độ kế toán vào các bài tập tình huống thực tế để qua đó phát triển kỹ năng lập và sử dụng báo cáo kế toán tài chính của doanh nghiệp.

#### **4.14. Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa (STN.02.06)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa bao gồm 6 chương, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về nội dung chính sách tiền tệ, tài khóa; sự tác động của các chính sách đến tăng trưởng kinh tế; các kịch bản phối hợp chính sách trong thực tiễn. Từ đó tăng năng lực phân tích, vận dụng kiến thức vào công tác thực tiễn quản lý, đầu tư và kinh doanh.

Nội dung cơ bản của môn học bao gồm: các lý thuyết kinh tế về 2 chính sách; Nội hàm chính sách tiền tệ, tài khóa; các công cụ của 2 chính sách; tác động của 2 chính sách lên sự tăng trưởng kinh tế; kịch bản phối hợp 2 chính sách về lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam.

#### **4.15. Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao (STN.01.02)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về Quản trị ngân hàng thương mại, trong đó, tập trung vào các vấn đề về dịch vụ ngân hàng, quản lý chất lượng tín dụng, quản trị nguồn vốn, quản trị rủi ro, kết quả trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

#### **4.16. Đầu tư tài chính (STN.02.02)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Đầu tư tài chính bao gồm 6 chương, nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đầu tư tài chính. Nội dung học phần được thiết kế theo hướng nghiên cứu tổng quan về phân tích tài sản tài chính, sau đó nghiên cứu sâu về phân tích vĩ mô, phân tích ngành, từ đó phân tích và định giá các tài sản tài chính dài hạn. Học phần Đầu tư tài chính thuộc khối kiến thức chuyên ngành, chuẩn bị cho học viên những kiến thức cơ bản để thực hiện được phân tích vĩ mô, phân tích ngành, từ đó phân tích và định giá các tài sản tài chính dài hạn.

#### **4.17. Chính sách thuế (STN.02.04)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Chính sách thuế thuộc khối kiến cơ sở ngành chương



trình đào tạo thạc sỹ tài chính ngân hàng giúp học viên cao học nắm vững kiến thức cơ bản về chính sách thuế ở Việt Nam như: thế nào là chính sách thuế; hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam phân biệt chính sách thuế, luật thuế và quản lý thuế; nội dung của chính sách thuế ở Việt Nam; hoàn thiện chính sách thuế trong tương lai. Từ đó, phân tích và vận dụng các quy định của chính sách vào thực tiễn tại các doanh nghiệp, các cơ sở kinh tế.

#### **4.18. Quản lý thuế (STN.02.05)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Quản lý thuế (QLT) thuộc khối kiến cơ sở ngành chương trình đào tạo thạc sỹ tài chính ngân hàng, giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản lý thuế: nội dung của QLT, nguyên tắc của QLT, cơ chế QLT. Phân biệt QLT, chính sách thuế, luật thuế và xu hướng đổi mới quản lý thuế.

#### **4.19. Định giá và mua bán – sáp nhập doanh nghiệp (STN.02.07)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần đề cập đến những kiến thức nâng cao về các nguyên tắc định giá tài sản, nội dung và phương pháp định giá doanh nghiệp; sự cần thiết thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, quá trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và những vấn đề tài chính trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

#### **4.20. Quản trị dự án đầu tư (SQK.02.03)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Môn học xem xét các vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án cụ thể, qua đó giúp học viên sẽ có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc lập hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án. Môn học cũng tiếp cận các nguyên tắc và các mảng nội dung quản trị quan trọng cần cho một dự án. Học viên sẽ vận dụng những kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư. Sau khi học xong môn học này, học viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào quản lý các chương trình, kế hoạch theo hướng quản lý dự án nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

#### **4.21. Chiến lược tài chính công ty (STN.02.11)**

- Số tín chỉ: 03



- Mô tả học phần: Học phần này trang bị các kiến thức giúp người học hiểu được chu kỳ sống của một doanh nghiệp và phân tích được dấu hiệu để nhận biết các giai đoạn trong chu kỳ sống của một doanh nghiệp và các rủi ro gắn với quyết định đầu tư và rủi ro tài chính ứng với từng chu kỳ sống của doanh nghiệp. Học phần đồng thời cung cấp các nguyên tắc cơ bản của việc hoạch định chiến lược tài chính và nội dung hoạch định chiến lược tài chính ứng với từng giai đoạn trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty bằng các phương thức tái cấu trúc công ty khác nhau để từ đó làm thay đổi cơ cấu của doanh nghiệp thông qua việc thay đổi quyền sở hữu và quyền kiểm soát công ty.

#### **4.22. Phương pháp kiểm soát kho bạc (STN.02.09)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần Kiểm soát Kho bạc bao gồm 4 chương, nhằm cung cấp một số kiến thức chuyên sâu và kiến thức nâng cao về hoạt động của hệ thống Kho bạc Nhà Nước của Việt Nam trong tham gia các hoạt động quản lý tài chính công; các hoạt động kiểm soát thu Ngân sách Nhà nước, kiểm soát các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua hệ thống KBNN; Cung cấp các nội dung cơ bản trong hoạt động huy động vốn cho Ngân sách nhà nước tại KBNN và việc thực hiện quản lý quỹ NSNN theo yêu cầu của chính phủ. Đồng thời trang bị một số kỹ năng xử lý các tình huống vi phạm quy định trong sử dụng NSNN mà KBNN phát hiện được thông qua hoạt động kiểm soát thu và kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Qua đó giúp học viên có năng lực nhận thức và ứng dụng được các quy định pháp luật vào xử lý có hiệu quả các tình huống vi phạm trong sử dụng quỹ NSNN

#### **4.23. Thương mại và đầu tư quốc tế (STN.02.12)**

- Số tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần này bao gồm những kiến thức khái quát về hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế: vai trò, các hình thức của thương mại và đầu tư quốc tế, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, xu hướng phát triển của hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thông tin thực tế về những vấn đề luôn có tính thời sự, cần thiết đối với các nhà quản



lý và các doanh nghiệp, bao gồm các rào cản trong thương mại quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, vấn đề tạo thuận lợi thương mại, hiệu quả kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu, thực trạng của các hoạt động đầu tư FDI, ODA trên thế giới và ở Việt Nam.

#### **4.24. Tài chính công (STN.02.08)**

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Tài chính công gồm 5 chương, nhằm cung cấp những kiến thức căn bản nhất về tài chính công. Nội dung môn học được thiết kế theo hướng nghiên cứu tổng quan về tài chính công, sau đó nghiên cứu các bộ phận chủ yếu của tài chính công đó là: ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước, nợ công và quản lý nợ công. Bao hàm các nội dung chủ yếu: khái niệm TCC, chức năng, vai trò của TCC trong nền kinh tế thị trường, các bộ phận hợp thành của TCC như NSNN, các quỹ TCC ngoài NSNN và một số vấn đề chủ yếu về tài chính vĩ mô. Trên cơ sở nền tảng kiến thức cơ bản của học phần người học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn khi làm việc.

Chương 1: Tổng quan về tài chính công (TCC)

Chương 2: Ngân sách nhà nước (NSNN)

Chương 3: Cân đối NSNN

Chương 4: Các quỹ TCC ngoài NSNN

Chương 5: Những vấn đề cơ bản về nợ công và quản lý nợ công.

#### **4.25. Tài chính khởi nghiệp (STN.02.10)**

- Số tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Tài chính khởi nghiệp gồm 5 chương, nhằm cung cấp những kiến thức về tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Nội dung môn học được thiết kế theo hướng nghiên cứu tổng quan về khởi nghiệp và các vấn đề tài chính liên quan, sau đó nghiên cứu các cách thức cấp vốn cho hoạt động và phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp, đó là: cấp vốn khởi nghiệp, nguồn tài chính cá nhân, vay nợ từ các tổ chức tín dụng, vốn từ quỹ đầu tư mạo hiểm và một số hình thức huy động vốn sáng tạo khác; Học phần giới thiệu các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp: Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính dự toán, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, thuế, phí.



Trên cơ sở nền tảng kiến thức cơ bản của học phần người học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn khi khởi nghiệp.

Chương 1: Con đường khởi nghiệp và các vấn đề tài chính liên quan

Chương 2: Cấp vốn cho hoạt động và phát triển doanh nghiệp

Chương 3: Các vấn đề chung về tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Chương 4: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp

Chương 5: Các quyết định tài chính trong doanh nghiệp

#### **4.26. Thực tập (STC.01)**

- Số tín chỉ: 07

- Mô tả học phần: Học phần nhằm tạo điều kiện để HV tiếp cận thực tế, tìm hiểu môi trường hoạt động của tổ chức, vận dụng các kiến thức đã thu thập được trong chương trình học vào công việc thực tế của một công ty, xí nghiệp, đơn vị hành chính. Học phần giúp HV học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại một cơ quan, tổ chức...

#### **4.27. Đề án tốt nghiệp**

- Số lượng tín chỉ: 08

- Mô tả tóm tắt học phần: Đề án tốt nghiệp được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, tiên tiến, khả năng tự nghiên cứu, tổng hợp thông tin và các kỹ năng cần thiết để đề xuất các ý tưởng sáng tạo nhằm lập kế hoạch, tài trợ, phát triển và vận hành một dự án kinh doanh mới trong kỷ nguyên số. Học viên cần tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khả thi và thu thập các nguồn lực cần thiết để chuyển đổi một cơ hội khả thi thành một ý tưởng kinh doanh mới. Kết thúc đề án, học viên được yêu cầu thiết kế một đề án kinh doanh nhằm đưa ra ý tưởng kinh doanh từ tiềm năng vào thực tế. Các phương pháp thực hiện viết đề án tốt nghiệp bao gồm: cách đặt, phân tích và giải quyết vấn đề, phương pháp tìm kiếm thông tin và đọc tài liệu, phương pháp thu thập số liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, các kỹ năng lập đề cương và kết cấu của đề án. Phương pháp nghiên cứu tình huống thực tế tại doanh nghiệp, ngân hàng kết hợp với phương pháp phân tích định lượng và định tính và cách trích nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến chủ đề học viên lựa chọn thực hiện đề án tốt nghiệp.

### **V. Học liệu**



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                             | Nơi xuất bản           | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|------------------------------------|
| 1   | Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học) | NXB ĐH Sư Phạm         | 2015 | Triết học                          |
| 2   | Nguyễn Văn Sanh, Dương Quốc Quân : Hỏi – Đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin                                  | NXB Chính trị quốc gia | 2015 |                                    |
| 3   | Nguyễn Văn Sanh, Nguyễn Thị Hảo : Triết học Kant về lịch sử                                                                            | NXB Hồng Đức           | 2016 |                                    |
| 4   | Giáo trình Triết học dành cho học viên Cao học và NCS                                                                                  | NXB Lý luận chính trị  | 2008 |                                    |
| 5   | Ian MacKenzie, Financial English, Thomson & Heinle                                                                                     |                        | 1995 | Tiếng Anh 1 chuyên ngành           |
| 6   | Jon Marks, Check your vocabulary for Banking and Finance, A&C Black, London                                                            |                        |      |                                    |
| 7   | Ian MacKenzie, English for Financial sector, Cambridge University Press.                                                               |                        | 2010 |                                    |
| 8   | Mishkin, F.S, Economics of Money, Banking and Financial Markets, 8th Edition Pearson Education, Inc.                                   |                        | 2007 |                                    |
| 9   | English for finance                                                                                                                    | NXB TP. HCM            | 2010 |                                    |
| 10  | Practice tests English for business 1                                                                                                  | NXB TP. HCM            | 2012 |                                    |
| 11  | Practice tests English for Business II                                                                                                 | NXB TP. HCM            | 2011 |                                    |
| 12  | “Financial English” Ian MacKenzie, Thomson & Heinle                                                                                    |                        | 2005 | Tiếng anh 2 chuyên ngành           |
| 13  | Check your English vocabulary for Banking and Finance, Jon Marks                                                                       |                        |      |                                    |
| 14  | “English for the Financial Sector”, Ian MacKenzie , Canbridge University Press                                                         |                        | 2010 |                                    |
| 15  | “Economics of Money, Banking and Financial Markets”, Mishkin, F. S (2007); 8 <sup>th</sup> Edition Pearson                             |                        | 2007 |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                                                                                   | Nơi xuất bản              | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------|------------------------------------|
|     | Education, Inc                                                                                                                                                                               |                           |      |                                    |
| 16  | English for finance                                                                                                                                                                          | NXB TP. HCM               | 2010 |                                    |
| 17  | Practice tests English for business 1                                                                                                                                                        | NXB TP. HCM               | 2012 |                                    |
| 18  | Practice tests English for Business II                                                                                                                                                       | NXB TP. HCM               | 2011 |                                    |
| 19  | Trần Tiến Khai . Phương pháp nghiên cứu kinh tế - kiến thức cơ bản                                                                                                                           | NXB Lao động xã hội       | 2014 | Phương pháp NCKT                   |
| 20  | Nguyễn Văn Thắng, Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh                                                                                                                  | NXB ĐH KTQD               | 2014 |                                    |
| 21  | Đồng Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An, Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                                                 | NXB Lao động xã hội       | 2010 |                                    |
| 22  | Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, in lần thứ 10, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội.                                                                                     | NXB khoa học kỹ thuật, HN | 2006 |                                    |
| 23  | Nguyễn Thị Cảnh , Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế                                                                                                                | NXB ĐH Quốc gia TP.HCM    | 2004 |                                    |
| 24  | Phương pháp luận NCKH                                                                                                                                                                        | NXB GDVN                  | 2011 |                                    |
| 25  | PGS.TS Vũ Kim Dũng – PGS.TS Nguyễn Văn Công. Giáo trình Kinh tế học tập 1                                                                                                                    | NXB Kinh tế quốc dân      | 2012 | Kinh tế học quản lý                |
| 26  | PGS.TS Vũ Kim Dũng, Bài tập Kinh tế quản lý                                                                                                                                                  | NXB ĐH KTQD               | 2012 |                                    |
| 27  | Dominick Salvatore, Managerial Economics in A Global Economy, Oxford University Press (7th Edition), chapter 7, 8                                                                            |                           | 2012 |                                    |
| 28  | Paul G. Keat and Philip K.Y.Young (2006), Managerial Economics: Economic Tools for Today's Decision Makers, Pearson Prentice Hall (5th Edition), chapter 6, 7                                |                           | 2006 |                                    |
| 29  | Giáo trình “Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính”, Fredic S. Minshkin (The Economics of Money, Banking and Financial Markets) - University Columbia, 3 <sup>th</sup> edition, New York |                           | 2001 | Kinh tế học tiền tệ ngân hàng      |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                          | Nơi xuất bản         | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------|------------------------------------|
|     | (bản dịch 2001)                                                                                                                     |                      |      |                                    |
| 30  | PGS,TS. Hoàng Trần Hậu, Bài giảng Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính                                            |                      | 2016 |                                    |
| 31  | Bài giảng hệ thống tiền tệ và thị trường tài chính, Đỗ Thiên Anh Tuấn, Trường Chính Sách Công Và Quản Lý Đại Học Fulbright Việt Nam |                      | 2016 |                                    |
| 32  | Học Viện Tài Chính: Giáo trình Nguyên lý kế toán.                                                                                   | NXB Tài chính        | 2009 | Nguyên lý kế toán                  |
| 33  | Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Nguyên lý kế toán.                                                                             | NXB ĐH KTQD          | 2010 |                                    |
| 34  | Hướng dẫn lý thuyết và bài tập môn Nguyên lý kế toán                                                                                |                      |      |                                    |
| 35  | Giáo trình Pháp luật kinh tế –ĐH TC - NH HN                                                                                         | NXB Thống kê         | 2015 | Pháp luật kinh tế                  |
| 36  | Giáo trình Pháp luật thương mại (tập 1)                                                                                             | NXB Tư pháp          | 2020 |                                    |
| 37  | Luật Kinh tế (sách chuyên khảo),                                                                                                    | NXB Lao động         | 2017 |                                    |
| 38  | Luật hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án                                                                                 | NXB Hồng Đức         | 2023 |                                    |
| 39  | Luận giải về luật DN                                                                                                                | NXB CTQG Sự thật     | 2018 |                                    |
| 40  | Tạp chí :Nhà nước và pháp luật                                                                                                      | Tháng 01 số          |      |                                    |
| 41  | Giáo trình Pháp luật tài chính                                                                                                      | NXB Lao động         | 2013 |                                    |
| 42  | Chuyên khảo Luật kinh tế, chương trình sau đại học                                                                                  | ĐHQG Hà Nội          | 2011 |                                    |
| 43  | Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội, TS Trương Hồng Hải, ThS.LS Đỗ Quốc Quyền (Chủ biên), Giáo trình Pháp luật kinh tế        | NXB Thống kê         | 2015 |                                    |
| 44  | Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật thương mại                                                                              | NXB Công an nhân dân | 2022 |                                    |
| 45  | Bộ Luật dân sự                                                                                                                      | NXB Chính trị QG     | 2015 |                                    |
| 46  | Luật Thương mại                                                                                                                     | NXB Chính trị        | 2015 |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                 | Nơi xuất bản                   | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------|------------------------------------|
|     |                                                                                                                            | QG                             |      |                                    |
| 47  | Luật Cạnh tranh                                                                                                            | NXB Chính trị QG               | 2018 |                                    |
| 48  | Luật Phá sản                                                                                                               | NXB Chính trị QG               | 2014 |                                    |
| 49  | Luật Trọng tài thương mại                                                                                                  | NXB Chính trị QG               | 2010 |                                    |
| 50  | Luật Hợp tác xã (2012),                                                                                                    | Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội | 2012 |                                    |
| 51  | Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.                                                                              |                                | 2017 |                                    |
| 52  | Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại, Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, TS. Vũ Thị Lợi, NXB Thống kê, năm 2015. | NXB Thống kê                   | 2015 | Thẩm định giá ngân hàng thương mại |
| 53  | Câu hỏi và Bài tập tài Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại, Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, ThS. Vũ Thị Thúy Hương      | NXB Thống kê                   | 2016 |                                    |
| 54  | Slide Bài giảng Kỹ năng thẩm định tín dụng của Bộ môn Ngân hàng- Trường ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội                      |                                |      |                                    |
| 55  | Thời báo kinh tế Việt Nam, Kinh tế Việt Nam và thế giới, xuất bản hàng năm.                                                |                                |      |                                    |
| 56  | Tạp chí Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.                                                                            |                                |      |                                    |
| 57  | Tạp chí Tài chính - Tiền tệ, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.                                                                  |                                |      |                                    |
| 58  | Thời báo Ngân hàng, NHNN Việt Nam.                                                                                         |                                |      |                                    |
| 59  | Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Viện Kinh tế học.                                                                              |                                |      |                                    |
| 60  | Các kỹ yếu hội thảo ngành NH                                                                                               |                                |      |                                    |
| 61  | Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng. TS Nguyễn Minh Kiều                                                              | NXB Tài chính                  | 2007 |                                    |
| 62  | Lập và thẩm định dự án đầu tư. TS Đinh Thế Hiển                                                                            | NXB TP.HCM                     | 2015 |                                    |
| 63  | Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại. TS Vũ Thị Lợi                                                                              | NXB Thống kê                   | 2015 |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                                                      | Nơi xuất bản                          | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|------------------------------------|
| 64  | Ngân hàng thương mại. TS Phan Thị Thu Hà                                                                                                                        | NXB Kinh tế quốc dân                  | 2014 |                                    |
| 65  | Hoàng Văn Hải, Quản trị chiến lược.                                                                                                                             | NXB ĐHQGHN                            | 2010 | Quản trị chiến lược                |
| 66  | Raymond Alain- Thiétart, Chiến lược doanh nghiệp. Hà Nội:                                                                                                       | NXB Thanh Niên.                       | 1999 |                                    |
| 67  | Phan Phúc Hiếu, Phân tích chiến lược hiện đại và ứng dụng. Hà Nội                                                                                               | NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.       | 2007 | Văn hóa và đạo đức công sở         |
| 68  | PGS.TS. Hoàng Văn Hải, TS. Đặng Thị Hương (Đồng chủ biên), Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh                                                | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. | 2020 |                                    |
| 69  | Vũ Thu Phương chủ biên, Quy Tắc Ứng Xử và Nghệ Thuật Giao Tiếp Nơi Công Sở;                                                                                     | NXB Thế giới                          | 2018 |                                    |
| 70  | TS. Nguyễn Văn Hùng (2016); Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh;                                                                                                 | NXB Kinh tế TP.HCM                    | 2016 |                                    |
| 71  | Văn hóa ứng xử và nghệ thuật giao tiếp nơi công sở trong các cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, khi tham gia giao thông” (2013); | NXB Lao động                          | 2013 |                                    |
| 72  | Jim C. Collins (2001) Sách Từ tốt đến vĩ đại;                                                                                                                   | NXB Trẻ                               | 2001 |                                    |
| 73  | Edgar H Schein, Peter Schein, Sách Lãnh đạo và văn hóa doanh nghiệp (2020),                                                                                     | NXB Thế giới                          | 2020 |                                    |
| 74  | PGS. TS Nguyễn Mạnh Quân (Trường Đại học Kinh tế quốc Dân) (2015), Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty;                                                       | NXB Kinh tế quốc dân                  | 2015 |                                    |
| 75  | Eugene F. Brigham, Joel F. Houston, Quản trị tài chính, Chủ biên dịch thuật: GS.TS. Nguyễn Thị Cành, Printed in Singapore                                       |                                       |      | Quản trị tài chính                 |
| 76  | TS. Bạch Đức Hiền, Tài liệu Quản trị tài chính nâng cao và Hệ thống câu hỏi và bài tập quản trị tài chính nâng cao.                                             |                                       |      |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                                       | Nơi xuất bản       | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|------------------------------------------|
| 77  | Pamela Peterson Drake, Frank J.Fabozzi, Tài chính căn bản, người dịch Lê Đạt Chí, Nguyễn Anh Tú                                                  | NXB Kinh tế TP.HCM |      |                                          |
| 78  | TS. Nguyễn Ninh Kiều, Tài chính doanh nghiệp căn bản                                                                                             | NXB LĐXH           | 2011 |                                          |
| 79  | Luật Doanh nghiệp 2020 và Các chính sách, chế độ của Nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện hành.                                       |                    | 2020 |                                          |
| 80  | Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp                                                                                                      | NXB Tài chính      | 2012 |                                          |
| 81  | Đọc, lập và phân tích Báo cáo tài chính trong Công ty cổ phần                                                                                    | NXB Tài chính      | 2000 |                                          |
| 82  | Phân tích Quản trị tài chính                                                                                                                     | NXB ĐH QG TP HCM   | 2002 |                                          |
| 83  | Tài chính doanh nghiệp hiện đại                                                                                                                  | NXB ĐH QG TP HCM   | 2005 |                                          |
| 84  | GT Quản trị tài chính doanh nghiệp                                                                                                               | NXB ĐH KT QĐ       | 2012 |                                          |
| 85  | Quản trị tài chính                                                                                                                               | NXB Thống kê       | 2004 |                                          |
| 86  | Quản trị tài chính căn bản                                                                                                                       | NXB Thống kê       | 2005 |                                          |
| 87  | Quản trị tài chính doanh nghiệp                                                                                                                  | NXB Thống kê       | 1996 |                                          |
| 88  | Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng, Kế toán tài chính doanh nghiệp                                                                                | NXB Tài chính      | 2019 | Kế toán tài chính                        |
| 89  | Bộ Tài chính, Thông tư 200/2014 Chế độ kế toán doanh nghiệp.                                                                                     | NXB Tài chính      | 2014 |                                          |
| 90  | Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, NXB Tài chính.                                                                                                 | NXB Tài chính      | 2020 |                                          |
| 91  | Bài giảng phân tích chính sách tiền tệ, tài khóa của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, PGS.TS Hoàng Trần Hậu và PGS,TS. Vũ Sỹ Cường   |                    | 2016 | Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa |
| 92  | Bài giảng chính sách tiền tệ, tài khóa và tổng cầu; Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright Đại học Fulbright Việt Nam Học kỳ Thu 2018-2019. |                    | 2019 |                                          |
| 93  | Chính sách tiền tệ lý thuyết và thực                                                                                                             | NXB CTQG           | 2013 |                                          |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                      | Nơi xuất bản          | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|------------------------------------|
|     | tiền                                                                                                                            |                       |      |                                    |
| 94  | Phân tích chi tiêu công                                                                                                         | NXB CTQG              | 2016 |                                    |
| 95  | Giáo trình Ngân hàng Thương mại. Chủ biên: PGS. TS Phan Thị Thu Hà, Viện Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân | NXB ĐH KT QD          | 2013 | Quản trị ngân hàng thương mại      |
| 96  | Toàn tập Quản trị ngân hàng thương mại. GS. TS Nguyễn Văn Tiến, Học viện Ngân Hàng                                              | NXB lao động XH       | 2015 |                                    |
| 97  | Quản trị ngân hàng thương mại, Peter Rose.                                                                                      |                       |      |                                    |
| 98  | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính, Frederic S. Mishkin, NXB Khoa học kỹ thuật.                                         | NXB Khoa học kỹ thuật |      |                                    |
| 99  | Quản trị rủi ro trong ngân hàng                                                                                                 | NXB Lao động          | 2012 |                                    |
| 100 | Quản trị Ngân hàng thương mại, ĐH Kinh tế TP. HCM                                                                               | NXB Phương Đông       | 2005 |                                    |
| 101 | PGS.TS. Hoàng Văn Quỳnh – ThS Lê Thị Hằng Ngân, Giáo trình Phân tích và định giá tài sản tài chính                              | NXB Tài chính         | 2016 | Đầu tư tài chính                   |
| 102 | PGS,TS. Hoàng Văn Quỳnh & Ths Lê Thị Hằng Ngân, Hướng dẫn thực hành môn học Phân tích và định giá tài sản tài chính             | NXB Tài chính         | 2018 |                                    |
| 103 | PGS,TS. Hoàng Văn Quỳnh & PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Lê, Thị trường Tài chính                                                      | NXB Tài chính         | 2015 |                                    |
| 104 | TS. Dương thị Tuệ Câu hỏi và bài tập thị trường tài chính. Trường Đại học tài chính ngân hàng Hà nội                            |                       | 2022 |                                    |
| 105 | TS. Bạch Đức Hiền, Tài chính doanh nghiệp tập 1 và tập 2, Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội                                | NXB Thống kê          | 2015 |                                    |
| 106 | Luật Chứng khoán 2019 và Các chính sách, chế độ của Nhà nước về Thị trường tài chính, Thị trường chứng khoán.                   |                       |      |                                    |
| 107 | Bài giảng “Đầu tư tài chính”                                                                                                    | ĐH TC-NH HN           | 2013 |                                    |
| 108 | Giáo trình “Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán”                                                                       | NXB Tài chính         | 2009 |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                                                              | Nơi xuất bản    | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí         |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|--------------------------------------------|
| 109 | Giáo trình “Phân tích và Đầu tư chứng khoán”                                                                                                                            | NXB Tài chính   | 2009 |                                            |
| 110 | Đầu tư tài chính                                                                                                                                                        | NXB Thống kê    | 2005 |                                            |
| 111 | Đỗ Đức Minh, Nguyễn Việt Cường; Giáo trình Lý thuyết thuế                                                                                                               | NXB Tài chính   | 2010 | Chính sách thuế                            |
| 112 | Chiến lược cải cách hệ thống thuế 2021 đến 2030; Chiến lược cải cách hệ thống thuế từ 2011 đến 2020;                                                                    |                 |      |                                            |
| 113 | Các Luật thuế hiện hành ở Việt Nam.                                                                                                                                     |                 |      |                                            |
| 114 | Hiệp định EVFTA; WTO; CPTPP; RCEP                                                                                                                                       |                 |      |                                            |
| 115 | PGS,TS. Lê Xuân Trường; Giáo trình Quản Lý thuế                                                                                                                         | NXB Tài chính   | 2016 | Quản lý thuế                               |
| 116 | TS.Tôn Thu Hiền, TS.Nguyễn Thị Minh Hằng; Bài tập tình huống Quản lý thuế                                                                                               | NXB Tài chính   | 2018 |                                            |
| 117 | Chiến lược cải cách hệ thống thuế 2011-2020 theo Quyết định số 732/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế từ năm 2011-2020 |                 |      |                                            |
| 118 | Luật Quản lý thuế hiện hành ở Việt Nam                                                                                                                                  |                 | 2018 |                                            |
| 119 | TS. Nguyễn Minh Hoàng – TS. Phạm Văn Bình, Định giá tài sản, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2018; và Hệ thống câu hỏi và bài tập Định giá tài sản               | NXB Tài chính   | 2018 | Định giá, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp |
| 120 | Michael E. S. Frankel, Mua lại và sáp nhập căn bản                                                                                                                      | NXB Tri thức    | 2009 |                                            |
| 121 | Aswath Damodaran, Định giá đầu tư                                                                                                                                       | NXB Tài chính   | 2022 |                                            |
| 122 | TS. Phạm Tiến Đạt, Mua bán – sáp nhập doanh nghiệp                                                                                                                      | NXB Lao động XH | 2013 |                                            |
| 123 | Nguyễn Bạch Nguyệt, Lập Dự án đầu tư                                                                                                                                    | NXB ĐH KTQD     | 2005 |                                            |
| 124 | Giáo trình định giá tài sản                                                                                                                                             | NXB Tài chính   | 2010 |                                            |
| 125 | Nguyên lý chung về định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp                                                                                                             | NXB Tài chính   | 2008 |                                            |
| 126 | Tiêu chuẩn thẩm định quốc tế 2000                                                                                                                                       | NXB TP HCM      | 2002 |                                            |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                                         | Nơi xuất bản            | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|------------------------------------|
| 127 | Phân tích Quản trị tài chính                                                                                                                       | NXB ĐH QG TP HCM        | 2002 |                                    |
| 128 | Tài chính doanh nghiệp hiện đại                                                                                                                    | NXB ĐH QG TP HCM        | 2005 |                                    |
| 129 | Nguyễn Bạch Nguyệt, Lập Dự án đầu tư.                                                                                                              | NXB ĐH Kinh tế quốc dân | 2013 | Quản trị dự án đầu tư              |
| 130 | Vũ Công Tuấn, Phân tích kinh tế dự án đầu tư,                                                                                                      | NXB Tài chính           | 2007 |                                    |
| 131 | PGS. TS Lê Hùng Sơn – TS Trần Quốc Vinh- TS Nguyễn văn Quang, Tài liệu giảng dạy môn Kiểm soát Kho bạc 2017                                        |                         | 2017 | Phương pháp kiểm soát kho bạc      |
| 132 | Luật NSNN CHXHCN Việt Nam 2015 và các văn bản hướng dẫn; Luật Quản lý nợ công CHXHCN Việt Nam 2017 và các văn bản hướng dẫn                        |                         | 2017 |                                    |
| 133 | TS Nguyễn Văn Hanh; TS Phạm Thị Hoàng Phương Giáo trình Quản lý Tài chính công                                                                     | NXB Tài chính           | 2016 |                                    |
| 134 | PGS.TS Hoàng Thúy Nguyệt, TS Đào Bích Hạnh, GT lý thuyết quản lý Tài chính công, Học viện tài chính                                                | NXB Tài chính           | 2016 | Tài chính công                     |
| 135 | TS.Bùi Tiến Hanh, TS Đào thị Bích Hạnh, Sách hướng dẫn ôn tập môn Quản lý TCC .Học viện tài chính                                                  | NXB Tài chính           | 2020 |                                    |
| 136 | GS.TSKH Trương Mộc Lâm, Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ của Trường đại học Tài chính ngân hàng Hà nội,                                      | NXB Thống kê            | 2013 |                                    |
| 137 | TS.Nguyễn Việt Lợi và TS Nguyễn minh Tân Một số vấn đề về cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công- luận cứ khoa học và giải pháp                        | NXB Tài chính           | 2021 |                                    |
| 138 | Luật NSNN Việt Nam năm 2015 , Luật đầu tư công , luật quản lý thuế 2019 năm 2019 và Các chính sách, chế độ của Nhà nước thu và chi NSNN hiện hành. |                         | 2015 |                                    |
| 139 | Giáo trình “Lý thuyết quản lý tài chính công” của Học viện Tài chính                                                                               | NXB Tài chính           | 2010 |                                    |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                                                         | Nơi xuất bản                        | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------|------------------------------------|
| 140 | “Quản lý Tài chính công”, Sách do GS Michel Bouvier soạn                                                                           | Học viện Tài chính                  | 2005 |                                    |
| 141 | Corporate Financial Strategy, Ruth Bender 4rd Edition, 2014                                                                        |                                     | 2014 | Chiến lược tài chính công ty       |
| 142 | GS,TS. Trần Ngọc Thơ, Tài chính doanh nghiệp hiện đại.                                                                             | NXB Thông tin và truyền thông, 2018 | 2018 |                                    |
| 143 | Stratergy Financial Management, R.A.Hill, 2009.                                                                                    |                                     | 2009 |                                    |
| 144 | Mergers, acquisitions and other restructuring activities – Ph.D Donald M.DePamphilis, 2012                                         |                                     | 2012 |                                    |
| 145 | Phạm Trí Hùng và Đặng Thế Đức, Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp ở Việt Nam,                                                        | NXB Lao Động Xã Hội                 | 2011 |                                    |
| 146 | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2011.              | NXB ĐHKQTĐ                          | 2011 | Tài chính khởi nghiệp              |
| 147 | TS. Bạch Đức Hiền, Tài chính doanh nghiệp, Trường đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội                                               | NXB Thống kê                        | 2015 |                                    |
| 148 | ThS Lương Thu Hà, Tài liệu chuyên đề Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch đầu tư năm 2012                 |                                     | 2012 |                                    |
| 149 | PGS.TS. Hoàng Văn Quỳnh và PGS.TS. Nguyễn thị Hoài Lê, Giáo trình Thị trường Tài chính của Học viện Tài chính                      | NXB Tài chính                       | 2015 |                                    |
| 150 | Luật NSNN Việt Nam năm 2015, Luật đầu tư công, luật quản lý thuế và Các chính sách, chế độ của Nhà nước thu và chi NSNN hiện hành. |                                     | 2015 |                                    |
| 151 | PGS,TS. Doãn Kế Bôn và PGS,TS. Ngô Thị Tuyết Mai Bài giảng Thương mại và đầu tư quốc tế                                            |                                     |      | Thương mại và đầu tư quốc tế       |



| Stt | Tên sách/tạp chí tham khảo                                                                   | Nơi xuất bản | Năm  | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|------------------------------------|
| 152 | PGS, TS. Ngô Thị Tuyết Mai, GT Hội nhập kinh tế quốc tế                                      | NXB ĐH KTQD  | 2016 |                                    |
| 153 | PGS, TS. Doãn Kế Bôn, GT WTO và sự phát triển của thương mại Việt Nam, NXB Thống kê năm 2007 |              | 2007 |                                    |

#### VI. Danh sách giảng viên dự kiến tham gia thực hiện chương trình

| STT | Mã học phần | Tên học phần                   | Giảng viên dự kiến                                                                                                               |
|-----|-------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | SCB.03.01   | Triết học nâng cao             | TS. Nguyễn Văn Sanh<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Dương Quốc Quân<br><i>HV Tài chính</i>                          |
| 2   | STA.04.01   | Tiếng Anh 1 chuyên ngành       | TS. Hà Cẩm Tâm<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Nguyễn Ngọc Hương Giang<br><i>Trường ĐH Hà Nội</i>                   |
| 3   | STA.04.02   | Tiếng Anh 2 chuyên ngành       | TS. Hà Cẩm Tâm<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Nguyễn Ngọc Hương Giang<br><i>Trường ĐH Hà Nội</i>                   |
| 4   | SQK.02.01   | Phương pháp nghiên cứu kinh tế | PGS.TSKH Bùi Xuân Biên<br>TS. Nguyễn Đình Hợi<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Vũ Văn Hường<br><i>ĐH Quốc gia HN</i> |
| 5   | SCB.02.01   | Kinh tế học quản lý            | PGS.TS Phạm Đình Hòa                                                                                                             |



| STT | Mã học phần | Tên học phần                       | Giảng viên dự kiến                                                                                                                |
|-----|-------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             |                                    | TS. Nguyễn Đình Hợi<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS.TS Vũ Kim Dũng<br>TS. Ngô Tuấn Anh<br><i>ĐH Kinh tế quốc dân</i> |
| 6   | STN.02.01   | Kinh tế học tiền tệ ngân hàng      | GS.TS Hoàng Trần Hậu<br>TS. Nguyễn Việt Lợi<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS.TS Vũ Sỹ Cường<br><i>HV Tài chính</i>    |
| 7   | SLKT.03.01  | Pháp luật kinh tế                  | TS. Nguyễn Thị Thu Vân<br>PGS.TS Nguyễn Thị Liên<br>TS. Phạm Minh Chiêu<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                     |
| 8   | SKT.01.01   | Nguyên lý kế toán                  | TS. Hoàng Văn Tường<br>TS. Đinh Hoài Nam<br>TS. Trần Văn Dung<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                               |
| 9   | STN.01.03   | Thẩm định giá ngân hàng thương mại | TS. Vũ Thị Lợi<br>TS. Phạm Duy Linh<br>TS. Vũ Quang Huy<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                     |
| 10  | SQK.02.02   | Quản trị chiến lược                | PGS.TS Hoàng Văn Hải<br>TS. Nguyễn Thông Thái<br>TS. Trần Đức Lộc<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                           |
| 11  | SQK.01.04   | Văn hóa và đạo đức công sở         | PGS.TS Hoàng Văn Hải<br>TS. Nguyễn Thông Thái                                                                                     |



| STT | Mã học phần | Tên học phần                             | Giảng viên dự kiến                                                                                                                                        |
|-----|-------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             |                                          | <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Hà Thị Hương Lan<br><i>Trường Bồi dưỡng CBTC</i>                                                                |
| 12  | STN.02.03   | Quản trị tài chính nâng cao              | TS. Bạch Đức Hiền<br>TS. Dương Thị Tuệ<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS.TS Trần Minh Thái<br><i>Trường Bồi dưỡng CBTC</i>                     |
| 13  | SKT.01.02   | Kế toán tài chính nâng cao               | TS. Hoàng Văn Tường<br>TS. Trần Văn Dung<br>TS. Đinh Hoài Nam<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                                       |
| 14  | STN.02.06   | Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa | GS.TS Hoàng Trần Hậu<br>TS. Nguyễn Viết Lợi<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS.TS Vũ Sỹ Cường<br><i>HV Tài chính</i>                            |
| 15  | STN.01.02   | Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao   | TS. Phạm Phan Dũng<br>TS. Vũ Thị Lợi<br>TS. Phạm Duy Linh<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                                           |
| 16  | STN.02.02   | Đầu tư tài chính                         | TS. Lê Quang Bính<br>TS. Dương Thị Tuệ<br>PGS.TS Lê Văn Ái<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS. TS. Hoàng Văn Quỳnh<br><i>Học viện Tài chính</i> |
| 17  | STN.02.04   | Chính sách thuế                          | PGS.TS Nguyễn Thị Liên<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                                                                              |



| STT | Mã học phần | Tên học phần                                | Giảng viên dự kiến                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             |                                             | TS. Nguyễn Việt Cường<br><i>Trường Bồi dưỡng CBTC</i><br>TS. Nguyễn Thị Minh Hằng<br><i>HV Tài chính</i>                                                                                         |
| 18  | STN.02.05   | Quản lý thuế                                | PGS.TS Nguyễn Thị Liên<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS. TS. Nguyễn Thanh Hoài<br>TS. Tôn Thu Hiền<br>TS. Nguyễn Thị Lan Hương<br><i>Học viện Tài chính</i>                          |
| 19  | STN.02.07   | Định giá và Mua bán – sát nhập doanh nghiệp | TS. Bạch Đức Hiền<br>TS. Nguyễn Việt Lợi<br><i>Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Nguyễn Minh Hoàng<br><i>Học viện Tài chính</i><br>TS. Nguyễn Hồ Phi Hà<br><i>Học viện Tài chính</i> |
| 20  | SQK.02.03   | Quản trị dự án đầu tư                       | TS. Nguyễn Thông Thái<br>TS. Trần Đức Lộc<br>PGS.TS Hoàng Văn Hải<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                                                                          |
| 21  | STN.02.08   | Tài chính công                              | TS. Dương Thị Tuệ<br>TS. Phạm Phan Dũng<br>TS. Trần Quốc Vinh<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS.TS Phạm Ngọc Dũng<br><i>HV Tài chính</i>                                              |
| 22  | STN.02.09   | Phương pháp kiểm soát kho bạc               | TS. Trần Quốc Vinh<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                                                                                                                         |



| STT | Mã học phần | Tên học phần                 | Giảng viên dự kiến                                                                                                                      |
|-----|-------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             |                              | PGS.TS Lê Hùng Sơn<br><i>Trường Nghiệp vụ KBNN</i>                                                                                      |
| 23  | STN.02.10   | Tài chính khởi nghiệp        | TS. Bạch Đức Hiền<br>TS. Vũ Quang Huy<br>PGS.TS Lê Văn Ái<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>                                         |
| 24  | STN.02.12   | Thương mại và đầu tư quốc tế | TS. Bạch Đức Hiền<br>TS. Lê Quang Bính<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>TS. Nguyễn Thị Thu Hà<br><i>HV Tài chính</i>            |
| 25  | STN.02.11   | Chiến lược tài chính công ty | TS. Lê Quang Bính<br>TS. Nguyễn Việt Lợi<br><i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i><br>PGS. TS. Hoàng Văn Quỳnh<br><i>Học viện Tài chính</i> |

**VIỆN TRƯỞNG**



**PGS.TS NGUYỄN THỊ LIÊN**



